

TỔNG QUAN NỀN VĂN HỌC VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KÌ LỊCH SỬ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nhận thức được những nét lớn của nền văn học Việt Nam về ba phương diện : các bộ phận, thành phần ; các thời kì phát triển và một số nét đặc sắc truyền thống của văn học dân tộc.
- Biết vận dụng tri thức trên để tìm hiểu và hệ thống hoá những tác phẩm sẽ học về văn học Việt Nam.

Nước Việt Nam ta có nền văn học được hình thành và phát triển khá sớm. Trải qua nhiều thử thách khắc nghiệt của lịch sử (đặc biệt là nạn ngoại xâm với âm mưu đồng hoá của bọn xâm lược), nền văn học ấy vẫn ngày càng phát triển phong phú, có bản sắc riêng, chứng tỏ một sức sống bền bỉ, mãnh liệt.

Nước Việt Nam phát triển cho đến ngày nay bao gồm nhiều dân tộc gắn bó với nhau. Dân tộc nào cũng có văn học riêng (thành văn hay chưa thành văn), tất cả góp chung lại, tạo nên một nền văn học với nhiều màu sắc. Một số dân tộc thiểu số đã có văn học viết, nhất là từ sau Cách mạng tháng Tám 1945. Thành tựu văn học độc đáo và phong phú nhất của các dân tộc thiểu số là sáng tác dân gian. Nhiều tác phẩm có thể xem là những kiệt tác rất đáng tự hào (*Đăm Săn, Đẻ đất đẻ nước, Tiễn dặn người yêu,...*). Về văn học viết, đóng góp của người Kinh dồi dào và tiêu biểu hơn cả. Có thể nói, lịch sử văn học Việt Nam là lịch sử của nền văn học nhiều dân tộc.



Gác Khuê Văn tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội
(Ảnh : Võ Văn Chiến)

I – CÁC BỘ PHẬN, THÀNH PHẦN CỦA NỀN VĂN HỌC

Nhìn một cách tổng quát, nền văn học nước ta gồm hai bộ phận phát triển song song và luôn luôn có ảnh hưởng qua lại sâu sắc : *văn học dân gian* và *văn học viết*.

1. *Văn học dân gian* nằm trong tổng thể *văn hoá dân gian* ra đời từ xa xưa và tiếp tục phát triển cho đến ngày nay. Bộ phận văn học này gồm những thể loại thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện thơ dân gian, ca dao, dân ca, tục ngữ, vè, câu đố, chèo,... do người bình dân sáng tác và phổ biến theo lối truyền miệng (sau này được các trí thức sưu tầm, ghi chép lại). Dân tộc nào cũng có văn học dân gian. Ở Việt Nam, văn học dân gian có vị trí và vai trò rất quan trọng. Trong hơn một nghìn năm Bắc thuộc và ở các thời kì dân tộc chưa có chữ viết hoặc chữ viết chưa phổ cập, văn học dân gian đã đóng góp to lớn trong việc gìn giữ, mài giũa và phát triển ngôn ngữ dân tộc, nuôi dưỡng tâm hồn nhân dân. Tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc và những sáng tạo nghệ thuật độc đáo, tài hoa của văn học dân gian có tác động mạnh mẽ đối với sự hình thành và phát triển của văn học viết từ nội dung đến hình thức.

2. *Văn học viết* do tầng lớp trí thức sáng tạo nên, chính thức ra đời từ khoảng thế kỉ X như một bước nhảy vọt của tiến trình lịch sử văn học dân tộc. Văn học viết đóng vai trò chủ đạo và thể hiện những nét chính của diện mạo văn học dân tộc. Cho đến đầu thế kỉ XX, văn học viết chủ yếu gồm hai thành phần tồn tại song song và có quan hệ qua lại mật thiết : thành phần viết bằng chữ Hán và thành phần viết bằng chữ Nôm⁽¹⁾. Văn học chữ Hán có thơ và văn (bao gồm các loại chiếu, biểu, hịch, cáo, chép sử, bình sử, truyện, kí, bình luận văn chương, v.v.). Văn học chữ Nôm hầu hết là thơ, phú.

Văn học chữ Hán ra đời ngay từ buổi đầu của nền văn học viết (thời Bắc thuộc đã xuất hiện một số thơ văn chữ Hán). Tuy viết bằng chữ Hán, thành phần văn học này vẫn là văn chương Việt Nam, vẫn đậm đà tính dân tộc (tuy chịu ảnh hưởng sâu sắc văn học Trung Hoa, nhưng căn bản vẫn diễn tả hiện thực Việt Nam, tâm hồn Việt Nam, vẻ đẹp và tài hoa Việt Nam, v.v.).

Văn học chữ Nôm (một loại chữ ghi âm tiếng Việt, cấu tạo bằng chất liệu chữ Hán) ra đời muộn hơn (chữ Nôm ra đời sớm nhưng văn học Nôm phải đến khoảng thế kỉ XIII mới xuất hiện) khi ý thức dân tộc và tinh thần nhân dân đã phát triển cao hơn ở tầng lớp trí thức. Nó trưởng thành nhanh chóng và có nhiều tác gia lớn với những tác phẩm ưu tú, đặc biệt trong lĩnh vực thơ ca.

(1) Cuối thế kỉ XIX, ở Nam Bộ xuất hiện một số tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ quốc ngữ, nhưng không có ảnh hưởng đáng kể trong đời sống văn học đất nước.

Đến đầu thế kỉ XX, thành phần văn học chữ Hán tuy ít nhiều vẫn còn nở hoa kết trái (chủ yếu trong dòng văn thơ yêu nước và cách mạng) nhưng không còn giữ vị trí quan trọng trong nền văn học dân tộc như ở thời trung đại. Từ khoảng những năm hai mươi của thế kỉ XX, văn học viết nước ta hầu như chỉ còn được sáng tác bằng tiếng Việt và ghi bằng chữ quốc ngữ (thay cho chữ Nôm). Nói như vậy không có nghĩa là từ đó về sau không còn ai sáng tác bằng chữ Hán ; thực tế vẫn có một vài trường hợp đặc biệt (như tập thơ *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh). Trong thời kì Pháp thuộc, cũng có xuất hiện một số tác phẩm của người Việt Nam viết bằng tiếng Pháp. Tuy nhiên, những tác phẩm ấy chưa đủ tạo nên một thành phần đáng kể trong nền văn học dân tộc.

3. Hai bộ phận văn học dân gian và văn học viết luôn luôn có tác động qua lại. Khi tinh hoa của hai bộ phận văn học này kết tụ lại ở những cá tính sáng tạo, trong điều kiện lịch sử nhất định, thì đất nước lại được thấy sự xuất hiện của những thiên tài văn học với nhiều áng văn bất hủ (Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,...).

II – CÁC THỜI KÌ PHÁT TRIỂN CỦA NỀN VĂN HỌC

Lịch sử văn học gắn chặt với lịch sử xã hội, lịch sử chính trị của đất nước. Tuy nhiên, không nên đồng nhất lịch sử văn học với lịch sử chính trị, xã hội. Chỗ phân biệt ở đây là đối tượng khác nhau của mỗi bộ môn lịch sử : đối tượng của lịch sử chính trị, xã hội là những sự kiện chính trị, xã hội ; còn đối tượng của lịch sử văn học là các sự kiện văn học, tức là những áng văn, những nhà văn, những trào lưu, trường phái văn học và bao trùm hơn cả là tư tưởng thẩm mĩ chi phối hệ thống thi pháp chung của cả một thời kì văn học⁽¹⁾.

Theo quan điểm ấy, lịch sử văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XX có thể chia làm ba thời kì lớn.

1. Thời kì từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

Những bằng chứng khảo cổ học cho biết, trong nhiều thế kỉ trước Công nguyên, đất nước ta đã chứng kiến một thời đại văn hoá khá phát triển (thường gọi là thời Văn Lang – Âu Lạc). Từ khoảng thế kỉ II trước Công nguyên, các

(1) *Thi pháp của một thời kì văn học* : tập hợp những yếu tố hình thức nghệ thuật tương đối bền vững của văn học, phản ánh tư tưởng thẩm mĩ của thời kì ấy như thể loại, phương thức biểu hiện, ngôn từ...

triều đại phong kiến phương Bắc xâm lược nước ta, áp đặt ách đô hộ trong hơn mười thế kỉ. Trong suốt thời gian này, không phải không có ít nhiều tác phẩm văn học dân tộc viết bằng chữ Hán, nhưng thành tựu còn truyền lại đến ngày nay chủ yếu là những sáng tác dân gian (không tách rời tổng thể văn hoá dân gian) vốn ra đời từ rất xưa, trước hết là những truyện thần thoại về vũ trụ, nhất là về nguồn gốc các tộc người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam. Được xây dựng và bảo tồn có hệ thống hơn cả là những truyện thần thoại hoặc truyện lịch sử được truyền thuyết hoá, ca ngợi những nhân vật anh hùng có công chinh phục thiên nhiên, mở mang bờ cõi và chống giặc ngoại xâm.

Trong thời Bắc thuộc, nhân dân ta luôn luôn nổi dậy để giành lại chủ quyền. Đầu năm 938, khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán thì dân tộc ta khôi phục lại được nền độc lập tự chủ. Từ đó, đất nước được xây dựng lại ngày càng vững chắc về mọi mặt, trong đó có văn hoá, văn học, trên tinh thần độc lập tự cường.

Từ thế kỉ X cho đến hết thế kỉ XIX, nền văn học Việt Nam phát triển dưới các triều đại phong kiến. Nó bao gồm hai bộ phận phát triển song song : *văn học dân gian* và *văn học viết* ; bộ phận văn học viết gồm hai thành phần (văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm). Trên những chặng đường thịnh suy của chế độ phong kiến, của vận mệnh dân tộc và nhân dân, hai bộ phận văn học dân gian và văn học viết lúc hoà hợp (thế kỉ X - XV), lúc có mặt đối lập – nghĩa là hoà hợp ở xu hướng này, đối lập ở xu hướng khác của bộ phận văn học viết (thế kỉ XVI - XIX)⁽¹⁾. Nói riêng về văn học viết, trong quá trình phát triển, mối tương quan giữa hai thành phần chữ Hán và chữ Nôm có sự chuyển biến : thành phần chữ Hán luôn luôn giữ vai trò chính thống, nhưng thành phần chữ Nôm ngày càng phát triển phong phú và có vị trí quan trọng.

Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX tất nhiên có nhiều chuyển biến qua các giai đoạn lịch sử khác nhau gắn liền với quá trình dựng nước, giữ nước và những đổi thay về ý thức của con người. Nhưng dù chuyển biến thế nào, văn học thời kì này vẫn bị chi phối bởi quan niệm thẩm mĩ chung thể hiện qua hệ thống thi pháp tương ứng. Về quan hệ với văn hoá nước ngoài, văn học trung đại Việt Nam nằm trong vùng ảnh hưởng của tư tưởng Nho, Phật, Đạo và văn học cổ Trung Hoa.

(1) Chẳng hạn, những tác phẩm văn học viết thế kỉ XVIII, XIX như thơ Hồ Xuân Hương, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du,... nói chung thống nhất với văn học dân gian ở tinh thần phê phán những mặt trái của chế độ phong kiến. Trong khi đó, có nhiều tác phẩm văn học viết vẫn đề cao mặt bảo thủ, phản nhân văn của đạo lí phong kiến, đối lập với tinh thần của văn học dân gian.

2. Thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

Thời kì văn học này tuy chỉ diễn ra gần nửa thế kỉ, nhưng có nhiều chuyển biến lớn, phản ánh những đổi thay sâu sắc trên đất nước ta về mặt xã hội và ý thức.

Sau khi tạm "bình định" được nước ta về mặt quân sự, từ đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa theo phương thức tư bản chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế, xã hội, đời sống văn hoá ở Việt Nam có nhiều thay đổi. Nhiều tầng lớp xã hội mới ra đời với những nhu cầu mới về văn hoá, văn nghệ. Qua tầng lớp trí thức Tây học, tư tưởng, văn hoá phương Tây hiện đại ngày càng có ảnh hưởng sâu sắc. Nghề in theo kĩ thuật hiện đại được du nhập, các nhà xuất bản ra đời. Hoạt động báo chí ngày càng sôi nổi. Chữ quốc ngữ được phổ cập rộng rãi. Nhiều tổ chức văn học tương đối có quy củ xuất hiện. Bấy nhiêu điều kiện đã đưa nền văn học Việt Nam bước vào thời kì hiện đại với nhiều cuộc cách tân sâu sắc về các hình thức thể loại và một tốc độ phát triển mau lẹ khác thường, trên cơ sở sự đổi mới và phát triển hơn về ý thức nghệ thuật. Từ đó, cùng với hoạt động sáng tác, phê bình văn học cũng ra đời như một hoạt động chuyên nghiệp. Đây là thời kì diễn ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi trong giới cầm bút, dẫn tới sự hình thành nhiều trường phái, xu hướng khác nhau. Tình hình văn học thời kì này nói chung rất phức tạp nhưng đã để lại nhiều thành tựu xuất sắc.

3. Thời kì từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX

Từ sau Cách mạng tháng Tám, nền văn học mới trên đất nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, trở nên thống nhất về tư tưởng và hướng dẫn về đại chúng nhân dân. Nhân dân là công chúng của văn học, là đối tượng thể hiện chủ yếu, đồng thời là nguồn cung cấp lực lượng sáng tác cho văn học.



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III, ngày 26 - 11 - 1962

(Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam)

Sau Cách mạng, nhân dân ta vừa giành được chủ quyền, chưa kịp xây dựng lại đất nước, đã phải lao ngay vào hai cuộc chiến tranh ác liệt chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ kéo dài tới ba mươi năm (1945 - 1975).

Yêu cầu của cuộc kháng chiến khiến văn nghệ phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ tuyên truyền chiến đấu, giáo dục chính trị, tập trung ca ngợi người anh hùng trên mặt trận vũ trang, thể hiện chủ yếu tình cảm của người công dân đối với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, của người chiến sĩ đối với đồng đội, đồng bào,... Trong hoàn cảnh chiến tranh, văn học vẫn phát triển mạnh mẽ, tạo được nhiều tác phẩm xuất sắc có tác dụng giáo dục to lớn.

Nói đến văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, còn phải kể đến thành tựu của các xu hướng văn học yêu nước và tiến bộ ở các vùng đô thị bị địch tạm chiếm trong ba mươi năm ấy.

Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi. Hoà bình, thống nhất được lập lại trên toàn cõi Việt Nam. Nền văn học chuyển sang một giai đoạn mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nền văn học cùng với đất nước bước vào công cuộc đổi mới ngày càng sâu sắc, toàn diện, đặc biệt là từ sau Đại hội VI của Đảng (1986).

Dấu hiệu đổi mới của văn học lúc đầu thể hiện ở sự mở rộng diện đề tài, đặc biệt chú ý đề tài chống tiêu cực, sau đó tiến lên đổi mới về tư tưởng và hình thức nghệ thuật, trên cơ sở quan niệm toàn diện về con người (con người được nhìn nhận và phát hiện trên nhiều phương diện phong phú và phức tạp : phương diện công dân và đời tư, phương diện xã hội và tự nhiên, phương diện ý thức và tâm linh,...).

Với hoàn cảnh hoà bình và điều kiện giao lưu quốc tế được mở rộng, trong không khí đất nước tiến lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nền văn học trên đường đổi mới cho đến nay đã gặt hái được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trên mọi thể loại, trước hết trong lĩnh vực văn xuôi. Giới cầm bút có ý thức phát huy cá tính, tìm tòi sáng tạo, đa dạng hoá nghệ thuật từ nội dung đến hình thức.

Cùng với tiến trình đổi mới của đất nước, kinh tế thị trường cũng ngày càng phát triển. Tác động của nó tới văn học nghệ thuật, có mặt tích cực là kích thích tài năng, nhưng đồng thời cũng có mặt tiêu cực : một số người viết văn chạy theo phân thị hiếu thấp kém của một bộ phận công chúng, coi nhẹ tính tư tưởng và tính nghệ thuật của tác phẩm văn học.

III – MỘT SỐ NÉT ĐẶC SẮC TRUYỀN THỐNG CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM

Tim hiểu để tổng kết được đầy đủ các đặc điểm của nền văn học dân tộc qua các chặng đường lịch sử không phải là việc đơn giản. Dưới đây chưa đề cập đến nhược điểm không phải không có của nền văn học Việt Nam mà chỉ nêu lên vài nhận xét bước đầu về một số nét đặc sắc có tính truyền thống của văn học dân tộc.

1. Lịch sử văn học một dân tộc, xét đến cùng, là lịch sử tâm hồn của dân tộc ấy. Nền văn học Việt Nam từ khi ra đời cho đến ngày nay đã thể hiện một cách sâu sắc những nét cơ bản sau đây của tâm hồn Việt Nam :

– Trước hết, đó là lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc. Trước nạn ngoại xâm, tinh thần ấy được biểu hiện qua những áng hùng văn sôi nổi và những hình tượng anh hùng cứu nước. Nhưng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc còn thể hiện ở nhiều mức độ và dưới nhiều dạng thức khác nữa. Có khi là tình yêu đối với một vùng trời đất cụ thể nào đó của quê hương mình, có khi là làm sống lại những phong tục đẹp hay những giá trị văn hoá cổ truyền của dân tộc. Có khi là sự phát hiện những nét riêng đáng yêu của tính cách Việt Nam, cái duyên dáng riêng của con người Việt Nam. Có khi lại là nỗi đau buồn da diết của con người trong một thời mất nước tối tăm, mà tấm lòng thành kính thiết tha đối với đất nước, đối với cha ông chỉ biết dồn vào tình yêu tiếng mẹ đẻ,...

– Ở người Việt Nam, lòng yêu nước gắn liền với tình nhân ái. Một dân tộc luôn phải cầm gươm, cầm súng, nhưng thơ văn lại nói nhiều hơn đến nhân nghĩa, tình yêu, đến thân phận con người, đặc biệt là phụ nữ trong các xã hội bất công. Không phải ngẫu nhiên mà trên đất nước này, những nhà văn lớn từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du đến Hồ Chí Minh đều là những trái tim yêu thương vĩ đại.

– Sống ở một nước nông nghiệp, người Việt Nam gắn bó tha thiết với thiên nhiên. Vì thế, văn chương Việt Nam có nhiều tác phẩm đầy tài hoa, từ ca dao, dân ca, thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Tố Hữu, đến văn xuôi Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, v.v. đã ghi lại được bằng những nét bút thật tinh tế cảnh sắc thi vị của quê hương đất nước.

– Sống triền miên trong khó khăn, vất vả, nhiều khi cơ cực, lại trải qua một lịch sử đầy sóng gió bão táp, người Việt Nam vẫn yêu đời, vui sống, luôn tin tưởng ở lẽ tất thắng của điều thiện, của chính nghĩa. Trong văn học Việt Nam, tiếng cười không mấy khi dứt hẳn và cũng lắm cung bậc : truyện tiểu lâm, truyện Trạng Quỳnh,

Trạng Lợn, thơ Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Tú Mỡ, văn Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng,... Tuy nhiên, hoàn cảnh thực tế khắc nghiệt không cho phép lạc quan một cách dễ dãi. Vì thế, các tác phẩm văn chương lớn nhất, tiêu biểu nhất của dân tộc trong quá khứ phần nhiều lại là những thiên truyện, những bài thơ viết về cái buồn, nỗi đau của kiếp người chịu nhiều oan trái, bất hạnh. Và tiếng cười nói trên có khi cũng không hẳn là tiếng cười, mà chỉ là "Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười" (Nguyễn Công Trứ).

– Về tình cảm thẩm mỹ, người Việt Nam, chắc hẳn do hoàn cảnh lịch sử, hoàn cảnh thiên nhiên và điều kiện văn hoá riêng, dường như nghiêng về cái đẹp xinh xắn hơn là cái đẹp hoành tráng, đồ sộ. Lịch sử dân tộc ta không thiếu những chiến công vĩ đại, nhưng những công trình nghệ thuật tiêu biểu của tổ tiên còn lại đến ngày nay là một ngôi chùa Một Cột, những ngôi đền ẩn dưới vòm cây hay trong núi sâu, một thiên *Truyện Kiều*, mấy bức tranh hóm hình làng Hồ, những khúc hát giao duyên quan họ hay chiếc đàn bầu hết sức đơn sơ, giản dị mà rất đổi tinh tế, tài hoa,...

2. Về mặt thể loại văn học, ở nước ta, thơ cổ truyền thống lâu đời. Sử thi của các dân tộc ở Tây Nguyên, của dân tộc Mường,...., truyện thơ dân gian của các dân tộc Thái, Tày, Nùng,... còn lưu truyền nhiều thiên bất hủ. Ca dao, dân ca, thơ cổ điển của người Việt thời phong kiến cũng để lại nhiều viên ngọc quý. Thơ hiện đại, trước cũng như sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã góp vào kho tàng văn học dân tộc biết bao kiệt tác. Văn xuôi tiếng Việt ra đời muộn, gần như cùng với thế kỉ XX, nhưng tốc độ phát triển và trưởng thành hết sức nhanh chóng. Với các thể bút kí, tùy bút, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn xuôi Việt Nam đã có thể sánh cùng nhiều nền văn xuôi hiện đại của thế giới.

3. Sinh tụ ở một trong những đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, người Việt Nam sẵn sàng tiếp thu mọi luồng văn hoá Đông Tây kim cổ, dù đến từ phía nào. Nhưng người Việt Nam thường chọn lựa, biến đổi trên tinh thần yêu nước, tinh thần nhân đạo, dựa vào nền tảng văn hoá sẵn có, đồng thời đáp ứng những nhu cầu thiết thực về tinh thần và khẩu vị văn học riêng của mình.

4. Cũng như dân tộc đã tạo ra nó, nền văn học Việt Nam có một sức sống dẻo dai và mãnh liệt. Biết bao tai hoạ như muốn dồn cả tới để thử thách đất nước này : thiên tai, địch hoạ triền miên ; chế độ phong kiến kéo dài ; bọn xâm lược khi đặt được ách thống trị đều thực hiện âm mưu đồng hoá thâm hiểm và thực hành chính sách ngu dân độc ác (thời Pháp thuộc, 95% dân số nước ta mù chữ).

Vì thế, văn học Việt Nam tuy ra đời sớm, nhưng có mặt phát triển chậm, nhất là về văn xuôi. Tuy nhiên, mười thế kỉ Bắc thuộc, ngót trăm năm Pháp thuộc, cùng với sự tàn phá của những đội quân xâm lược vào loại hùng mạnh và hung hãn nhất trên thế giới, vẫn không sao tiêu diệt nổi dân tộc ta và xoá bỏ được tiếng nói cùng với nền văn hoá, văn học của chúng ta. Trái lại, tiếng nói ấy, nền văn chương ấy vẫn ngày một phát triển phong phú hơn với bản sắc riêng ngày một đậm đà hơn. Đến khi (cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX) vượt ra khỏi giới hạn của khu vực văn hoá Trung Hoa nặng tính chất trung đại để tiếp xúc với các trào lưu văn hoá, văn học hiện đại của thế giới, thì nền văn học ấy liền bước ngay vào một thời kì phát triển bùng bột, mau lẹ "một năm có thể kể như ba mươi năm của người" (Vũ Ngọc Phan – *Nhà văn hiện đại*). Ấy là sự bùng lên của một sức sống tiềm tàng mãnh liệt đã đẩy lịch sử văn học chuyển mạnh trong công cuộc hiện đại hoá và tiến gấp lên cho kịp với bước đi của thời đại.

*
* *
*

Nền văn học Việt Nam, từ văn học dân gian tới văn học viết, từ sáng tác của các dân tộc thiểu số đến tác phẩm của người Kinh, trong quá trình lịch sử, luôn luôn gắn bó chặt chẽ với vận mệnh đất nước, vận mệnh nhân dân và thân phận con người. Quá trình phát triển của nó cũng là quá trình ngày càng được dân chủ hoá, hiện đại hoá, đồng thời luôn giữ gìn và phát huy bản sắc riêng của dân tộc. Bản sắc ấy là của Việt Nam nhưng cũng là của nhân loại. Có thể xem đó là màu sắc Việt Nam góp phần tô điểm cho bức tranh chung của văn chương các dân tộc trên thế giới.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nội dung bài *Tổng quan nền văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử* gồm mấy phần, mỗi phần nêu lên những vấn đề gì của nền văn học ?
2. Hãy cho biết nền văn học Việt Nam gồm những bộ phận và thành phần nào. Chúng có vị trí như thế nào trong quá trình phát triển của văn học dân tộc ?
3. Lịch sử văn học viết Việt Nam phát triển qua ba thời kì. Dựa vào những tác phẩm văn học đã học ở Trung học cơ sở, hãy chọn cho mỗi thời kì một số tác phẩm tiêu biểu : thời trung đại (tác phẩm chữ Hán, tác phẩm chữ Nôm) ;

thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ; thời kì từ sau Cách mạng đến hết thế kỉ XX (tác phẩm thuộc giai đoạn 1945 - 1975, tác phẩm thuộc giai đoạn từ sau năm 1975).

4. Phân tích một trong số các tác phẩm (đoạn trích) sau đây để chứng minh cho một nét đặc sắc truyền thống của nền văn học Việt Nam : *Thánh Gióng*, *Thạch Sanh*, *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Cảnh khuya* (Hồ Chí Minh), *Làng* (Kim Lân), *Bến quê* (Nguyễn Minh Châu),...

BÀI TẬP NÂNG CAO

Văn học dân gian có tác động quan trọng đối với văn học viết. Để chứng minh phần nào cho tác động ấy, anh (chị) hãy tìm và phân tích ba trường hợp trong *Truyện Kiều* mà Nguyễn Du đã vận dụng thành ngữ một cách tài tình.